

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22-3-2023

Về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH ĐỒNG NAI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hữu Chí

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Phương

Bà Lê Thị Kim Xuyên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trúc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Văn Hoàng Yến- kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 574/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐST-NHGD ngày 30 tháng 01 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị B, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp 3, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp 3, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Lê Thị B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị và anh H yêu thương, cưới nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh An Giang vào năm 2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Nguyễn Văn H cờ bạc nợ nần chồng chất, nhiều lần

hăm dọa, tra tấn tinh thần chị. Vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng không có tiếng nói chung, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nên chị B đã dọn ra ngoài sống được 04 tháng nay, đây cũng chính là thời gian ly thân của vợ chồng. Nay chị B xác định không còn tình cảm với anh H, khả năng hòa giải đoàn tụ không có nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Trường hợp Tòa án không chấp nhận cho ly hôn thì chị B vẫn kiên quyết sống ly thân với anh H.

- Về con chung: chị và anh H chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Quốc T, sinh ngày 22/4/2011 và cháu Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 20/3/2017. Trường hợp Tòa án cho ly hôn, chị B có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên chị B xin được vắng mặt trong các phiên tòa Tòa án xét xử vụ án.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai tại hồ sơ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

- Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị B.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc T, sinh ngày 22/4/2011 và cháu Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 20/3/2017 cho chị B nuôi dưỡng. Tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:* Chị Lê Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn H; hiện chị B và anh H có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại xã L, huyện N, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên

Toà án nhân dân huyện N thụ lý là đúng theo quy định tại khoản 5, Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lê Thị B vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị B và anh H.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: chị B và anh H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh An Giang vào năm 2010 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H cờ bạc nợ nần chồng chất, nhiều lần hăm dọa, tra tấn tinh thần chị B. Vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng không có tiếng nói chung, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nên chị B đã dọn ra ngoài sống được 04 tháng nay, hai bên không có hòa giải đoàn tụ nên chị B nộp đơn xin ly hôn anh H. Tòa án đã mời anh H tham gia phiên hòa giải để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng phía bị đơn không đến tham gia phiên hòa giải, cũng không có văn bản ý kiến nộp cho Tòa, từ đó cho thấy anh H không có thiện chí đoàn tụ. Mặt khác, theo lời khai của chị B thì vợ chồng đã tự sống ly thân khoảng 04 tháng nay, không ai quan tâm lẫn nhau nên việc chị B xin ly hôn là chính đáng và có cơ sở chấp nhận. Vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị B được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: chị B và anh H chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Quốc T, sinh ngày 22/4/2011 và cháu Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 20/3/2017. Sau ly hôn, chị B có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy việc giao con cho chị B hay anh H nuôi dưỡng cần phải xem xét vào điều kiện và hoàn cảnh sống của mỗi bên nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường cho trẻ. Chị B và anh H đều có đủ điều kiện nuôi dạy con tốt nhưng hiện cháu T đã trên 07 tuổi, qua tham khảo ý kiến cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Còn cháu T1 chưa đủ 07 tuổi nhưng kể từ lúc vợ chồng sống ly thân, chị B là người trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó để giữ sự ổn định cuộc sống của trẻ và nguyện vọng của cháu T cần xem xét giao 02 con chung cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị B không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[3] *Về tài sản chung*: đương sự khai tự thỏa thuận nên không xem xét.

[4] *Về nợ chung*: đương sự khai không có nên không xem xét.

[5] *Về án phí*: chị B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, 35, 147, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Áp dụng Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị B. Xử cho chị B được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Quốc T, sinh ngày 22/4/2011 và cháu Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 20/3/2017 cho chị B nuôi dưỡng. Tạm thời anh H không cấp dưỡng nuôi con.

Anh H được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi vị trí nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: đương sự khai tự thỏa thuận nên không xem xét.

4. Về nợ chung: đương sự khai không có nên không xem xét

5. Về án phí: chị B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008603 ngày 02/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N (đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Viện KSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- UBND ;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Dương Hữu Chí

